

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-3-2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tấn Đô

Ông Nguyễn Hoàng Trung

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST – HNGĐ ngày 01/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tạ Thị K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 217 Phạm Văn Thuận, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Leong Peng O, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: DNo 41 Jalan Makmur Taman Yong Peng Jaya 83700 Yongpeng Johor, Malaysia.

Địa chỉ liên lạc: Số 7A, Vistaria Residensi JLN 6/92B TMN Kobena, KUALALUMPUR, MALAYSIA.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Tạ Thị K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Leong Peng O thực tế chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng đến ngày 08/11/2015 đăng ký kết hôn tại JPM Daerah Betu Pahat, ngày 04/01/2019 trích lục ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố B số 09/TLGCKH. Sau khi đăng ký kết hôn, ông bà sinh sống tại Malaysia. Quá trình sinh sống ông bà hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do ông Leong Peng O thường xuyên mắng chửi, không lo kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể sống cùng nhau nên ông bà đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Do không có điều kiện sinh sống tại Malaysia nên bà K đã về Việt Nam từ tháng 3/2002 đến nay. Vì không hiểu biết pháp luật và mâu thuẫn của ông bà là những sinh hoạt hàng ngày, bà không trình báo cơ quan có chức năng nên không có tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án.

Nay bà xác định không còn tình cảm gì với ông Leong Peng O nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Bị đơn ông Leong Peng O:*

Tôi không đồng ý ly hôn với bà K do tôi xác định còn tình cảm yêu thương bà K. Con riêng của bà K do tôi chăm sóc nuôi dưỡng từ lúc kết hôn với bà K đến nay và ở Malaysia với tôi, còn bà K thì lúc ở Malaysia lúc ở Việt Nam.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Tạ Thị K, ông Leong Peng O là quan hệ hôn nhân hợp pháp do ông, bà tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn nên được pháp luật thừa nhận bảo vệ. Sau khi kết hôn ông Leong Peng O và bà Tạ Thị K đưa nhau sang Malaysia sinh làm ăn sinh sống, thời gian đầu hai người sống hạnh phúc. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, theo bà K trình bày là do ông Leong Peng O thường xuyên mắng chửi bà, không lo kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm sống dẫn đến ngày càng trầm trọng, do đó trong năm 2018 ông bà K sống ly thân, tháng 03/2023 bà K về Việt Nam sinh sống, còn về phía ông Leong

Peng O cũng không sang Việt Nam thăm bà K và bà K làm đơn xin ly hôn. Xét thấy bà K, ông Leong Peng O sống xa cách nhau về vị trí địa lý, sống ly thân với nhau đến nay đã 05 năm, cuộc sống hôn nhân không có khả năng hàn gắn đoàn tụ nên yêu cầu xin ly hôn của K và ông Leong Peng O là có cơ sở.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: bà K, ông Leong Peng O khai không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Tạ Thị K khởi kiện xin ly hôn ông Leong Peng O, ông Leong Peng O có quốc tịch và đang sinh sống tại Malaysia nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Leong Peng O đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông không đến tham dự phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông theo quy định tại khoản 1 Điều 238, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Giữa bà Tạ Thị K và ông Leong Peng O xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 2011, đến ngày 08/11/2015 đăng ký kết hôn tại JPM Daerah Betu Pahat, ngày 04/01/2019 trích lục ghi chú kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố B số 09/TLGCKH là hôn nhân hợp pháp nên bà K được quyền xin ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Theo bà K trình bày: Sau khi đăng ký kết hôn, ông bà sinh sống tại Malaysia. Quá trình sinh sống ông bà hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do ông Leong Peng O thường xuyên mắng chửi, không lo kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể sống cùng nhau nên ông bà đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Do không có điều kiện sinh sống tại Malaysia nên bà K đã về Việt Nam từ tháng 3/2022 đến nay. Nay bà xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn với ông Leong Peng O.

Ông Leong Peng O trình bày ông không đồng ý ly hôn do ông còn tình cảm yêu thương bà K, sau khi kết hôn bà K lúc ở Malaysia lúc ở Việt Nam.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà K, ông Leong Peng O là có thật thể hiện, ông Leong Peng O thừa nhận bà K lúc sinh sống ở Malaysia lúc ở Việt Nam, có cơ sở khẳng định quá trình chung sống ông bà có xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân lúc bà K sống ở Việt Nam, lúc ở Malaysia và bà K đã về Việt Nam sinh sống từ tháng 3/2022 đến nay. Việc ông bà sống xa cách nhau về vị trí địa lý, sống ly thân với nhau đến nay đã 05 năm do đó cuộc sống hôn nhân không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Do mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà K, cho ly hôn giữa bà Tạ Thị K và ông Leong Peng O.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Tạ Thị K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 37, 147, 227, 228, 238, 469, 470, 474 và 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 123, 124 và 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tạ Thị K đối với ông Leong Peng O.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị K được ly hôn với ông Leong Peng O.
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Tạ Thị K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0000183 ngày 15/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà K đã nộp đủ án phí.

3. Bà Tạ Thị K được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Leong Peng O được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- UBND thành phố B, tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quyên